TÒA ÁN ND HUYỆN Y T
TỈNH B G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:46/2019/HNGĐ - ST
Ngày 18/11/2019
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T, TỈNH B G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Xuân Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến;
2. Bà Nguyễn Thị Cương.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Oanh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Y T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh Lương Xuân T, sinh năm 1970 (có mặt).

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Tu, sinh năm 1971 (có mặt).

Các đương sự cùng địa chỉ: Bản R D, xã T T, huyện Y T, tỉnh B G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 11 năm 2018, bản tự khai ngày 09 tháng 7 năm 2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa anh Lương Xuân T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị Tu tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã T T, huyện Y T, tỉnh B G. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2017. Vợ chồng anh đã cố gắng hàn gắn để cùng nuôi dạy con và phát triển kinh tế gia đình nhưng đều không đạt kết

quả, do anh làm nghề thợ mộc, chị Tu thường xuyên gây sự với thợ giúp việc khiến cho việc làm ăn của anh gặp khó khăn. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018. Từ khi ly thân vợ chồng anh vẫn ở chung một thửa đất nhưng mỗi người ở một nhà, làm ăn riêng, ở riêng, kịnh tế riêng, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tu.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Lương Văn C, sinh năm 1990 và Lương Mạnh Đ, sinh năm 1991. Con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 8 năm 2019, chị Hoàng Thị Tu trình bày:

Chị và anh T kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 1989, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T T, huyện Y T, tỉnh B G. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay nhắn tin cho người phụ nữ khác nhưng chị không biết là ai, ở đâu, từ đó vợ chồng mâu thuẫn, anh T lạnh nhạt không quan tâm đến chị, chị và anh T mặc dù sống chung cùng một nhà nhưng công việc của ai người ấy làm, ăn riêng, kinh tế riêng. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 7 năm 2018, từ khi ly thân vợ chồng chị không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị không đồng ý ly hôn, lý do chị không đồng ý ly hôn là vì gia đình và các con, các anh chị em trong gia đình không muốn cho vợ chồng chị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lương Văn C, sinh ngày 04/02/1990 và Lương Mạnh Đ, sinh ngày 16/7/1991. Hiện các cháu đã trưởng thành và đã lập gia đình, chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, quyền sử dụng đất chung và các khoản nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Lương Xuân T không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện. Chị Hoàng Thị Tu không đồng ý ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, các khoản nợ chung. Chị Tu yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của chị và anh T phát triển được trong thời kỳ hôn nhân, sang tên quyền sử dụng đất cho các con chung của anh chị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những

người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 57, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Cho anh Lương Xuân T được ly hôn chị Hoàng Thị Tu.

Anh Lương Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Lương Xuân T và chị Hoàng Thị Tu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã T T, huyện Y T, tỉnh B G. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 7 năm 2018 vợ chồng anh chị sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, không còn tình cảm. Anh T và chị Tu đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Tu. Chị Hoàng Thị Tu khẳng định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2018 và ly thân từ tháng 7 năm 2018, chị Tu không đồng ý ly hôn vì gia đình anh T không đồng ý cho chị ly. Xét thấy anh T và chị Tu thời gian ly thân đã kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần cho anh Lương Xuân T được ly hôn với chị Hoàng Thị Tu là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Con chung: Anh T và chị Tu có 02 con chung là Lương Văn C, sinh ngày 04/02/1990 và Lương Mạnh Đ, sinh ngày 16/7/1991. Hiện các con chung đã trưởng thành anh T, chị Tu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Tài sản chung, quyền sử dụng đất chung: Trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Anh T và chị Tu đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tại phiên tòa, chị Tu yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; Yêu cầu của chị Tu tại phiên tòa không phù hợp với Điều 200 Bộ luật tố tụng

dân sự nên không xem xét giải quyết. Các khoản nợ chung: Anh T và chị Tu đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Anh Lương Xuân T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Xử: Cho anh Lương Xuân T được ly hôn chị Hoàng Thị Tu.

- Về án phí: Anh Lương Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/0004456 ngày 09 tháng 7 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y T, tỉnh B G thu, anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y T;
- Chi cục THADS huyện Y T;
- UBND xã T T, huyện Y T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VPTA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo